

Cà Phê Phố Núi Pleiku

Vương Trùng Dương

Với đấng mày râu, hầu như quen thuộc với cà phê từ cuộc sống đến văn chương. Từ thời còn học sinh nơi phố cổ Hội An cho đến nay đã trên, dưới sáu, bảy thập niên, thuộc dân “ghiền” cà phê, vì vậy khi có bài viết nào về cà phê, thích đọc cho biết sự tình.

Vài quyển sách tiêu biểu như

- The Pleasures and Pains of Coffee của văn hào Pháp Honoré de Balzac, tôn vinh cà phê là nguồn cảm hứng khơi nguồn sáng tạo vô tận.
- The World Atlas of Coffee của James Hoffmann về các vùng trồng cà phê, giống hạt và phương pháp pha chế. The little Coffee know-it-all của Shawn Steiman bàn về mọi khía cạnh trong cà phê trong cuộc sống...
- Đặc biệt với văn hào Ernest Miller Hemingway sống trong giai đoạn hàng quán cà phê phát triển ở châu Mỹ lẫn châu Âu với nhiều loại hình đa dạng. Những quán cà phê được Hemingway đề cập như La Rotonde, nơi ông có thể gặp các văn hào Scott Fitzgerald, Gertrude Stein, Thomas Stearns Eliot bàn luận về ý tưởng mới; Quán Café des Deux Magots “bản doanh” của những người theo Chủ Nghĩa Siêu Thực; Quán Café de Flore với những sinh hoạt văn học bằng giải thưởng Prix de Flore của riêng mình; Café du Dôme “trạm xá” của cộng đồng lưu dân đến từ Trung Âu và Bắc Mỹ; La Closerie des Lilas được lưu vào lịch sử văn học như ngôi nhà thứ hai của Hemingway... Ngoài ra, các tác phẩm kinh điển như A Clean Well-Lighted Place, The Sun Also Rises, A Moveable Feast... Cuốn tiểu thuyết cuối cùng The Old Man and the Sea đạt giải Nobel văn học năm 1954, ông lão đánh cá đã ra khơi với tất cả thực phẩm cho một ngày là cà phê, và đó là thức uống mà ông lão biết là nên uống trước khi thực hiện khát vọng chinh phục lớn lao. Với ảnh hưởng trong những tác phẩm của Hemingway, đến quán cà phê vì thế trở thành “Hemingwayesque” biểu tượng lối sống Hemingway.

Paris một thời là kinh đô ánh sáng... không những kiến trúc nổi tiếng trên thế giới, văn chương, triết học, âm nhạc và các trào lưu văn học qua các thời kỳ đã ảnh hưởng nhiều từ thời tiền chiến đến hai thập niên ở miền nam Việt Nam. Bên cạnh đó với khung cảnh lãng mạn với Cà Phê Paris cũng là đề tài.

Bài viết Cà Phê Paris của Trúc Tiên vừa qua đề cập đến nơi chốn này.

“Ngôi quán cà phê Paris, người ta có thể một mình mà không có đọc”, triết gia Jean-Paul Sartre. “Cà phê làm thom mọi khoảnh khắc của cuộc đời”, nhà văn Honoré de Balzac.

Có lẽ vì thế mà nhiều người rời Paris rồi vẫn nhớ những quán cà phê của thành phố này. Không phải vì ly “café noir” nhỏ trên bàn, mà vì cảm giác được ngồi thật lâu giữa đời sống đang trôi qua trước mắt mình. Một người ngồi xoay nhẹ tách cà phê trong tay. Một ông lão im lặng bên tờ báo sáng. Những chiếc ghế quay ra vỉa hè như thể điều quan trọng nhất không nằm trong quán, mà là thành phố ở phía trước mặt.

Điều đặc biệt ở các quán cà phê Paris là cách người ta nhìn ra phố. Những hàng ghế ngoài terrasse gần như luôn hướng về phía dòng người qua lại, nơi tiếng xe buýt, tiếng giày trên vỉa hè và những cuộc trò chuyện nhỏ hòa lẫn vào nhau. Thành phố trở thành một phần của quán cà phê – hay có lẽ, quán cà phê chỉ là một cách khác để ngồi giữa thành phố...

Cà Phê Kléber – place Trocadéro. Café Central, ở một quán nhỏ gần Café de Flore. Café de Flore ra đời từ cuối thế kỷ XIX. Sau Thế chiến thứ hai, Jean-Paul Sartre và Simone de Beauvoir thường ngồi ở đây hàng giờ để viết, tranh luận và nhìn dòng người qua lại ngoài phố. Người ta đến Café de Flore không hẳn để tìm một ly cà phê ngon nhất Paris, mà để ngồi giữa một nơi từng chứng kiến biết bao cuộc trò chuyện, thảo luận và suy nghĩ đã đi qua thế kỷ XX.

Café Les Deux Magots, trước chiến tranh, nhiều nhà văn và nghệ sĩ đã chọn nơi này làm điểm hẹn: Ernest Hemingway, Pablo Picasso, Albert Camus... Khác với Café de Flore có vẻ trí thức và chính trị hơn, Les Deux Magots mang không khí văn chương rõ hơn. Người ta đến đó để viết, để đọc, để ngồi nhìn mưa rơi trên Saint-Germain trong nhiều giờ liền.

Đến nay, quán vẫn trao giải văn học Prix des Deux Magots hằng năm – như một cách giữ lại mối Café La Closerie des Lilas từ năm 1900 – nơi Ernest Hemingway từng viết: “Nếu Saint-Germain là khu của những triết gia và trí thức Pháp, thì La Closerie des Lilas lại thuộc về các nhà văn Mỹ lưu vong đầu thế kỷ XX”.

Café Le Procope – quán cà phê lâu đời nhất Paris: Ra đời từ năm 1686, Le Procope thường được xem là quán cà phê lâu đời nhất Paris. Voltaire, Jean-Jacques Rousseau hay Denis Diderot từng ngồi ở đây tranh luận về tự do, lý trí và xã hội. Có một chi tiết rất Paris: nhiều ý tưởng về Cách Mạng Pháp 1789 đã từng được nói ra trong các quán cà phê trước khi xuất hiện ngoài quảng trường. Ở Paris, quán cà phê không chỉ là nơi nghỉ chân. Nó từng là nơi người ta nghĩ về cách thay đổi thế giới.

Le Dôme Café từng là điểm hẹn quen thuộc của giới họa sĩ và nghệ sĩ nhập cư đầu thế kỷ XX. Amedeo Modigliani, Marc Chagall hay nhiều họa sĩ trẻ nghèo thời ấy thường ngồi ở đây suốt nhiều giờ với rất ít tiền trong túi. Paris khi ấy không chỉ là thành phố của ánh sáng, mà còn là nơi người ta mang theo giấc mơ nghệ thuật của mình để sống, dù nghèo đến đâu.

Dọc theo bờ sông Seine, những quán cà phê nhỏ nối tiếp nhau dưới hàng cây. Vào cuối buổi chiều, khi ánh sáng bắt đầu đổi màu trên mặt nước, người ta ngồi ở đó rất lâu – trước một ly vang, một tách espresso hay chỉ để nhìn những chiếc bateau-mouche chậm rãi đi qua.

Café La Rotonde, từ đó có thể nhìn thấy những nhịp cầu đá, những quây sách cũ màu xanh của các bouquinistes dọc bờ Seine, và phía xa là bóng Notre-Dame hiện lên giữa trời chiều. Các nghệ sĩ Amedeo Modigliani, Pablo Picasso và André Salmon trước quán cà phê La Rotonde năm 1916.

Paris có một từ rất đặc biệt: flâner. Khó tìm một từ tiếng Việt thật tương đương. Nó không hẳn là đi dạo, cũng không phải lang thang. Đó là cách bước chậm lại để nhìn, để quan sát, để thành phố tự hiện ra trước mắt mình mà không cần một mục đích rõ ràng. Những quán cà phê Paris dường như sinh ra cho điều đó. Người ta có thể flâner ngay cả khi chỉ ngồi yên trước một tách cà phê và nhìn phố xá trôi qua.

Cây cà phê được đưa vào Việt Nam năm 1875, giống café Arabica này là chữ Reunion (tên cũ là Ile Bourbon). Năm 1908, các nhà khai thác Pháp đưa vào Đông Dương thêm các loại C. Robusta, C. Mitcharichia và C. Excelsa (thường gọi là cà phê ‘Mít’)... Năm 1925 cà phê bắt đầu được trồng tại cao nguyên Trung Phần, khởi đầu tại Ban Mê Thuột (năm 1930) sau đó thêm vài nơi tại Đà Lạt và Pleiku với đất Bazan thích hợp với hương vị cà phê.

Nói đến Cà Phê Paris, nhắc lại một thời với Cà Phê Sài Gòn. Sài Gòn những năm trước 1975, các quán cà phê nhỏ, dân dã, xe đẩy trên đường phố, cà phê vỉa hè, phổ biến như cà phê vớ (cà phê vọt, cà phê bít tất)... khách ngồi trên ghế đẩu, nhâm nhi ngắm đường phố (hiện nay ở Nhật còn thịnh hành xe bán cà phê take away). Tại trung tâm Sài Gòn, những quán cà phê mang phong cách sang trọng, nơi gặp gỡ của tầng lớp được xem là tinh hoa thời đó, như là văn nghệ sĩ, nhà báo, các nhân vật chốn nghị trường, và cả quân nhân, công chức và du khách... Thường là cà phê phin (filtre - sau 1975 gọi là cái nồi ngồi trên cái cốc) với cà phê đen, cà phê sữa, cà phê đá... khách ngồi ngắm giọt cà phê. Một điều đặc biệt, các nhà hàng hầu hết “quán” cà phê cho khách.

Trên đường Tự Do, tạo thành một trục được gọi là “văn hóa không tên” của Sài Gòn. Đó là các quán La Pagode (Cái Chùa), Givral, Brodard, Continental, Imperial...

Nhà hàng Givral là một trong những “quán cà phê” lâu đời nhất của Sài Gòn, nằm ở trong thương xá Eden ở ngay mặt tiền góc đường Lê Lợi - Tự Do, nơi nhìn ra đối diện có thể thấy trọn công trường Lam Sơn ở đầu đại lộ Lê Lợi, nhìn qua phía đường Tự Do có thể thấy được Continental Palace, Opera House, và sau này còn có thêm Caravelle Hotel. Nhà hàng Givral được một người Pháp sống lâu năm ở Việt Nam là Alain Poitier mở ra vào khoảng giữa thập niên 1950, khai trương cùng một thời điểm với thương xá Eden.

Givral (thường xá Eden) tọa lạc trên một phần nền cũ của “Grand Café de la Musique”, quán giải khát nổi tiếng vào những năm 1900. Givral nằm ở trung tâm thành phố, ngay con đường sầm uất bậc nhất và rất thuận tiện cho mọi việc, từ hẹn hò, mua sắm (trong Eden), chờ tới giờ vào rạp chiếu phim (Eden cinema), hóng tin tức nghị trường vì nằm ngay đối diện trụ sở Quốc Hội, hoặc ghé mua sách báo ngoại văn ở tiệm sách Khai Trí, Xuân Thu ở cách đó không xa rồi mang vào quán cà phê chọn một góc yên tĩnh để ngồi đọc.

Theo nhà văn Văn Quang kể lại, “*Quán Givral đông nhất và đáng kể nhất vào mỗi buổi sáng. Khi đó cánh phóng viên thường tụ tập ở nơi này vì nó ở ngay trước trụ sở Quốc Hội (sau 1967 là Hạ Nghị Viện), các ông dân biểu thường ra ngồi giải lao tại đây và ‘thảo luận’ đủ thứ chuyện bên lề, thường là những câu chuyện hấp dẫn hơn chuyện trong nghị trường. Trong số những phóng viên, ngoài người Việt Nam còn có một số phóng viên người Mỹ, Pháp từ Continental Palace từ đối diện ghé sang, hoặc là cũng có một số phóng viên người Việt làm cho các đài truyền hình, truyền thanh nước ngoài sẵn tin tại đây*”.

Một quán cà phê khác trên trục đường Tự Do có phong cách phương Tây sang trọng là Brodard, với bàn ghế và trang trí nội thất sang trọng, có không gian yên tĩnh và ánh sáng nhẹ để khách có thể ngồi thưởng thức cà phê. Brodard nằm ở góc đường Tự Do - Nguyễn Thiếp là tiệm bánh ngọt từ năm 1948, bánh Pháp và với cà phê tuy không ngon nhưng ở địa điểm tốt.

So với Givral và Brodard thì quán La Pagode (gọi nôm na là quán Cái Chùa) được xem là “cổ kính” nhất, yên tĩnh nhất và cũng không kém phần sang trọng, mang đậm phong cách Paris. Địa thế của La Pagoda cũng rất đẹp, nằm ngay góc đường Tự Do - Lê Thánh Tôn, của một ông chủ người Pháp, và cung cách phục vụ cũng theo kiểu Pháp. Quán không rộng lắm, khoảng 60m², đặt chừng 10 cái bàn gỗ mặt vuông, ghế ngồi rộng, cũng bằng gỗ có thành dựa, cửa kính dày hai mặt, khách ngồi café có thể phóng tầm nhìn được ra phía công viên Chi Lăng rợp bóng mát cây xanh. Khách của La Pagode đa phần là nhà văn nhà thơ, nhạc sĩ, ca sĩ. Cứ vào buổi chiều, sau giờ tan sở là nghệ sĩ lại tụ tập nơi đây ngồi thành từng nhóm. Đây là nơi các nhà văn, nhà thơ và cả nhạc sĩ đưa nhau xem những tác phẩm đang còn dở dang để cùng góp ý và hoàn thiện trước khi giới thiệu đến công chúng. Và nơi này cũng là nơi hẹn hò của lính tráng nghỉ phép với tahn6 hữu Sài Gòn.

Continental Palace là khách sạn lớn đầu tiên ở Sài Gòn, được người Pháp xây dựng trong 2 năm và hoàn thành năm 1880. Tầng trệt của khách sạn là nhà hàng và quán cà phê có thể ngồi lẩn ra vỉa hè, phong cách rất giống với những quán ở Châu Âu, là nơi tập trung của tầng lớp quý tộc, thượng lưu, mà hầu hết là những khách nước ngoài lưu trú tại khách sạn. Con đường Catinat - Tự Do hoa lệ sau này đã mọc lên khá nhiều quán cà phê và tiệm rượu, trở thành tâm điểm giải trí ở Sài Gòn khi màn đêm xuống, nhưng chỉ ở quầy rượu nhà hàng Continental mới là nơi mà Kim Lefevre (một nhà văn từng sống thời gian dài ở Sài Gòn) khẳng định: “*Người ta thường giao thiệp với những phụ nữ thanh lịch nhất của Sài Gòn ở đây*”.

Nhà hàng Thanh Thế, nơi tụ tập của giới sinh viên Sài Gòn, giới trẻ ưa thích văn nghệ, triết học... đông nhất vào buổi chiều với giới văn nghệ sĩ.

Xa hơn một chút, cà phê Gió Nam (đường Phan Đình Phùng), đến uống cà phê... để ngắm cô chủ quán. Cà phê Thu Hương (đường Hai Bà Trưng). Cà phê Hân (đường Đinh Tiên Hoàng) nơi các sinh viên Văn Khoa, Dược Khoa và Nông lâm Súc trên đường Cường Để...

Nhà báo Bùi Bảo Trúc kể tên 2 ‘quán’ mà ông cho ngon nhất hạng; cả hai đều không tên (!), gọi bằng tên người chủ: Cà phê ‘cụ Phong’ (trong hẻm đường Cao Thắng) và cà phê ‘bà Thái Chi’ (đường Lý Văn Phức, Khu Tân Định)... Cà phê Sài Gòn có mặt khắp nơi từ nhà hàng, trên đường phố, các con hẻm. Có thể nói ra đường có ‘quán’ cà phê.

Phố Núi Pleiku, Phố Lính & Cà Phê

Trong bài thơ của Vũ Hữu Định với hình ảnh Pleiku:

*“Phố núi cao phố núi trời gần
Phố xá không xa nên phố tình thân*

*Đi dăm phút đi về chốn cũ
Một buổi chiều nào lòng bỗng băng khuâng”*

Những năm đầu thập niên 1960, thị trấn Pleiku ít người nhắc đến. Toàn tỉnh chỉ khoảng 160.000 người, trong đó người Kinh chừng 60.000. Thị trấn chưa đông đúc, phố xá còn thưa thớt. Những người đến đây cũng từ nhiều miền khác nhau mà thành. Pleiku vừa là tên tỉnh và tên thành phố.

Những gia đình người Bình Định lên cao Nguyên từ rất sớm. Người Quảng Nam, Quảng Ngãi theo các khu dinh điền cũ, đến Lệ Cần, Lệ Chí, Nam Giang, Hà Bầu... dựng nhà, khai đất rồi ở lại. Rồi những người miền Bắc di cư vào Nam năm 1954, từ khoảng 1957-1958 lần lượt tìm đến Pleiku với nhiều sắc dân. Người Ấn thường gọi là “Chà Và” phiên âm từ Java có khoảng hai mươi tiệm bán vải và tạp hóa. Người Hoa cũng hiện diện nơi đây, quen thuộc với họ Diệp như Diệp Kính. Rạp ciné Diệp Kính, nhà hàng Viễn Đông và cây xăng, và ngay trung tâm thị trấn thường gọi là khu vực ngã ba Diệp Kính.

Tiền thân của Bộ Tư Lệnh Vùng II Chiến Thuật & Quân Đoàn II là Đệ Tứ Quân Khu, được thành lập ngày 1 tháng 7 năm 1952, là một trong 4 Quân Khu của Quân Đội Quốc Gia Việt Nam. Quân Đoàn II được thành lập vào ngày 1 tháng 10 năm 1957 tại thị xã Ban Mê Thuột. Tháng 10 năm 1962 BTL dời về Pleiku, nằm cạnh khu vực phi trường Cù Hanh. Từ đó nhiều đơn vị đồn trú tại trong khu vực của BTL, doanh trại rất rộng và thị trấn Pleiku nên gọi là phố Lính.

Tháng 5 năm 1969, sau khi ra trường, tôi phục vụ tại Tiểu Đoàn 20 CTCT & Trung Tâm Điều Hợp Tâm Lý Chiến (Việt-Mỹ Psychological Warfare Center) Vùng II Chiến Thuật cao nguyên (gồm 7 tỉnh cao nguyên. Tại Nha Trang có TTĐH TLC miền duyên hải (gồm 5 tỉnh).

Pleiku ngày ấy thị trấn nhỏ trên cao nguyên Trung Phần. Vào thập niên 1950' còn hoang sơ, chỉ có vài con đường trái nhựa. Phi trường đầu tiên của Pleiku dưới chân núi Hàm Rồng, lúc đó phi đạo bằng đất. Sau đó, người Pháp ở sở trà Bầu Cạn làm một phi trường tư nhân tại khu vực làng Gia Tường, những năm trước thập niên 1960, phi cơ dân sự của Air Vietnam vẫn đáp xuống nơi này. Đến năm 1961, phi trường quân sự Cù Hanh được xây dựng. Trong khu vực ấy có dành một phần cho phi cơ dân sự.

Đất đỏ bazan hợp với trà và cà phê

Từ thời Pháp, sở trà Bầu Cạn và sở trà Biển Hồ đã hình thành. Cả hai nơi đều có trồng cà phê nhưng trà vẫn là sản vật chính. Ngoại ô Pleiku cũng đã có những vườn cà phê. Vườn cà phê của các nữ tu dòng Mến Thánh Giá trải dài từ khu vực giáp trường nam tiểu học Pleiku đến trường tư thục Tuyên Đức. Dọc đường Phan Đình Phùng còn có một số vườn nhỏ khác, tổng cộng khoảng năm đến sáu mẫu. Những đồn điền cà phê ở Lệ Thanh, Ia Châm... Có nơi rộng hơn một trăm mẫu, mỗi năm cho hàng chục tấn cà phê.

Vào đầu thập niên 1960', so với dân số các thị trấn của một số tỉnh ở Vùng 2 Chiến Thuật, tại Pleiku có nhiều trường tiểu học và trường trung học hơn, gồm gồm 8 trung học (TH) Pleiku, TH Pleime, TH Bồ Đề, TH Minh Đức, TH Nông Lâm Súc, TH Tuyên Đức, TH Phạm Hồng Thái và trung tiểu học Thánh Phao Lô... Năm 1962 khi Bộ Tư Lệnh Vùng 2 CT & QĐ 2, các quân nhân đến phục vụ, thường mang gia đình đến chung sống nên trường học được mở mang thêm. Khi ra trường, nhận Sự Vụ Lệnh phục vụ tại Pleiku, bạn bè nói nơi đó chán lắm nhưng khi ở nơi phố Lính cảm thấy vui vẻ sáng, tối uống cà phê và “Em Pleiku” từ các nơi theo thân nhân đến phố núi.

Phòng trà Thăng Long là một trong những tiệm cà phê đầu tiên tại Pleiku; cùng với thường thức cà phê, khách được lắng nghe những bài hát phát ra từ chiếc máy hát đĩa cổ. Có 2 kiểu: cà phê phin bán tại các phòng trà và cà phê vọt (cà phê bít tất) bán phía ngoài.

Từ thập giữa thập niên 1960' trở đi thì quán cà phê ở Pleiku đã mọc lên khá nhiều, như: Cà Phê Băng trên đường Phan Thanh Giản), Cà Phê Thiên Lý, Nhớ trên đường Tăng Bạt Hổ), Mimosa góc đường Tăng Bạt Hổ - Võ Tánh. Cà Phê Kim Liên trên đường Hoàng Diệu, sau Kim Liên chuyển lên đường Tăng Bạt Hổ...

Đặc biệt *Cà Phê Dinh Điền*, không có bản hiệu, nằm cạnh đường Hai Bà Trưng, vợ chồng từ Sóc Trăng lên lập nghiệp. Quán gần dinh Tư Lệnh Quân Đoàn và Hội Quán Phụng Hoàng (thời Tư Lệnh Vĩnh Lộc.

Cà Phê Dinh Điền vách ván mái tô, rộng khoảng 4 m. Bên ngoài kê các bàn thấp và ghế đầu, mở cửa từ 5 giờ sáng. Đây gọi là Cà Phê Lính vì mỗi buổi sáng, lính tráng thường ghé nơi đây nhâm nhi cà phê trước giờ làm việc.

Tôi là khách thường trực và bạn bè cùng đơn vị. Ông chồng là tài xế Tòa Hành Chánh vì vậy nghe người bạn ở Tòa Hành Chánh nói bí quyết của chủ quán. Mỗi tối pha các ly cà phê vọt rất đậm kèm với hạt cau rang chung với cà phê Moka & Robusta, trời nắng để ngoài sương, trời mưa để dưới mái tô... Khi pha cà phê cho khách, cho vào vài muỗng nên “gu” hợp với khách ghiền. Có lẽ còn nhiều quán cà phê nhưng thời gian quá lâu, không nhớ hết.

Hình ảnh Pleiku ngày đó như dòng thơ của Đào Hữu Thức:

*“Pleiku nhỏ - là ngày ta vừa lớn
Thời đất trời bát ngát, mệnh mông
Ta dân ruộng: nước lu, chân đất
Pleiku quê - mình còn quê hơn”*

Kim Tuấn lên Pleiku dạy học và làm thông dịch viên vào đầu thập niên 1960. Và nơi này đã tạo nguồn cảm hứng cho ông với nhiều bài thơ. Bài thơ sớm nhất Buổi Chiều Ở Pleiku – 1960:

*“... Buổi chiều ở Pleiku có gì lạ đâu hờ em?
Có nỗi cô đơn trong cõi sương mù
Có phố buồn hiu có đêm giấu mặt
Có giấc sầu dài trong cõi thiên thu...”*

Cũng vào thời điểm đó, các văn nghệ sĩ cầm bút khoắc áo lính hiện diện như nhà thơ Diên Nghi, Triều Hoa Đại, Nguyễn Mạnh Trinh... Nhà thơ Cao Thoại Châu (sau năm 1968 ông động viên vào quân ngũ. Năm 1970 ông được biệt phái về Bộ Quốc Gia Giáo dục và chuyển về dạy trường nữ trung học Pleime).

Nhà văn Đỗ Tồn (tác giả Hoa Vòng Vang) đầu thập niên 1960 làm Tiểu Đoàn Trưởng TĐ Tâm Lý Chiến - Dân Sự Vụ (tiền thân Tiểu Đoàn 20 CTCT), nhà văn Văn Phan, Hoàng Khởi Phong... Nhà văn Ngô Thế Vinh (Y Sĩ Trưởng Lực Lượng Đặc Biệt - tác phẩm Vòng Đại Xanh (1971) viết về cuộc sống và con người vùng cao nguyên.

Trong tác phẩm *Ôm Đàn Đến Giữa Trời* của nhà văn Mai Thảo viết về cuộc tình xuất phát từ phố núi: *“Vòm trời Pleiku nát nhàu lửa đạn. Dân chúng từ thị xã di tản đi nơi khác. Trọng pháo ầm ì dội đập đêm ngày. Những tiệm hàng đóng cửa. Trường học nghỉ. Đường phố Pleiku mất biến những má đỏ, môi hồng. Phố thấp, phố cao chỉ còn đây đặc những giấy dính, mũ sắt, những bộ quân phục màu tối, mỗi góc cây là một họng tiểu liên. Tôi lỳ. Quán Nhớ mở cửa như thường. Nhưng một đồng không thu được. Không một bóng khách tới. Hai chị em về Sài Gòn, đóng cửa quán Nhớ đúng hai tuần lễ. Quần áo mang theo không đủ, vậy mà Huyền khẳng khẳng mang theo băng nhạc có bài hát về Pleiku, bảo thế nào cũng không chịu bỏ lại...”*

Pleiku không phải là một vùng quên lãng. Những tình cảm đọng lại giữa bốn hướng rừng vây. Những kỷ niệm không bao giờ tan biến được. Một chút gì để nhớ, một chút gì để quên. Đó là một câu trong cái bài hát buồn ấy về Pleiku. Không, không phải, Pleiku chẳng có một chút gì để quên. Mà Pleiku có muôn vàn những cái, những sự để nuôi nấng một nhớ thương dài hạn. Như những nén hương oan khiến cháy đỏ nuôi mãi một hồn ma không cho siêu thoát. Những buổi chiều gọi nhớ. Bằng mưa phùn, bằng gió lọt. Những ban đêm làm nhớ. Bằng thứ im lặng khác thường của núi rừng. Phố Pleiku thấp. Những phố thấp làm trầm niềm nhớ. Phố Pleiku cao. Những phố cao đẩy niềm nhớ lên cao. Mỗi ngọn cỏ đường, mỗi phiến lá Pleiku đều là một tấm gương soi. Gương chi chít cùng khắp. Ngoảnh mặt tới phía nào cũng trong những gương kia, nỗi nhớ hiện hình...”.

Tôi chỉ phục vụ ở Pleiku chỉ một năm, sau đó chuyển về Nha Trang, Đà Nẵng và cuối cùng trở lại quân trường ngày xưa ở Đà Lạt. Thời gian tuy ngắn nhưng có nhiều kỷ niệm với nơi này, bạn bè, những quán cà phê nơi phố Lính. Và cả 3 nơi như đã đề cập ở trên, tôi đã uống nhưng với phố núi có nhiều kỷ niệm. Ngồi quán cà phê ở đây không ngắm “ông đi qua, bà đi lại” mà có những buổi sáng ngắm khói thức lá lẫn sương mù.

Vương Trùng Dương